



ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Thận trọng quanh nhịp rung lắc

ASEANSC Research | 13-07-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến thận trọng

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- **VN-Index ghi nhận tuần diễn biến điều chỉnh nhẹ với thanh khoản vẫn ở mức thấp. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.828,34 điểm, giảm 1,81% so với thứ Sáu liền trước.** Áp lực bán diễn ra ở hầu hết các nhóm ngành, trong đó chịu ảnh hưởng lớn nhất là các nhóm Bán lẻ, Chứng khoán và Hóa chất.
- **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)
- **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến thận trọng



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 13/07/2026 – 17/07/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
LPB	Ngân hàng	49 – 51	54 +/-	Thấp (10% - 30%)
VPB	Ngân hàng	24 – 26	28 +/-	
ACB	Ngân hàng	21 – 22	23 +/-	
HCM	Chứng khoán	26 – 27	29 +/-	
VND	Chứng khoán	16 – 17	19 +/-	
PVD	Dầu khí	30 – 31	33 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

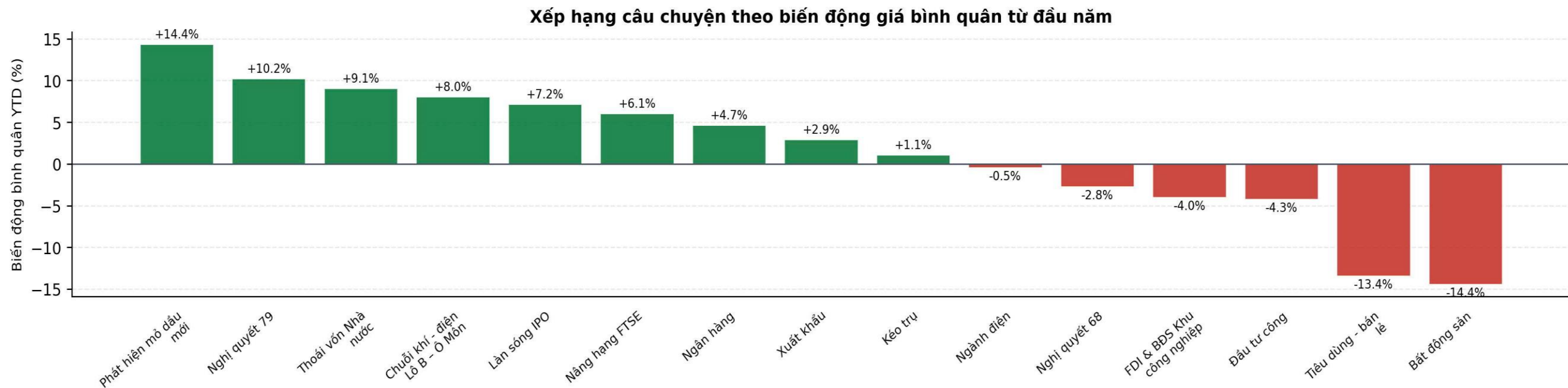
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 06/07/2026 – 10/07/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
VCB	Ngân hàng	61 – 62	N/A
BID	Ngân hàng	41 – 42	N/A
STB	Ngân hàng	70 – 71	N/A
ACB	Ngân hàng	22 – 22,5	N/A
VND	Chứng khoán	17 – 18	N/A
SHS	Chứng khoán	18 – 19	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	27	(3)	24	7%	5%	12.939	27,0	1,6
VNM	125	362	488	28%	1%	20.900	11,2	3,1
BVH	(96)	5	(91)	18%	20%	7.423	10,4	1,8
POW	(576)	(40)	(616)	10%	29%	30.678	13,8	1,0
VGC	(14)	(3)	(16)	14%	12%	4.484	15,0	1,6
GAS	(21)	38	17	15%	12%	24.129	18,5	2,6
BSR	637	59	696	21%	192%	50.073	9,5	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	513	(88)	425	27%	20%	17.035	12,7	3,1
HDB	658	90	747	24%	28%	50.053	7,6	1,6
GMD	(1)	(15)	(16)	16%	44%	4.265	18,1	2,1
DGW	3	(14)	(11)	19%	1640%	2.213	13,8	2,4
REE	(49)	0	(48)	13%	15%	6.229	23,4	1,1
VPB	145	(191)	(45)	16%	35%	79.339	8,4	1,2
ACB	495	51	546	17%	14%	51.367	7,2	1,2
TCB	(227)	(216)	(443)	15%	10%	70.862	9,1	1,3
MWG	(554)	59	(495)	25%	525%	14.697	14,2	3,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	27	(3)	24	7%	5%	12.939	27,0	1,6
OIL	44	0	44	9%	-10%	2.014	14,8	1,1
GAS	(21)	38	17	15%	12%	24.129	18,5	2,6
PVS	(85)	(46)	(130)	13%	31%	5.114	10,2	1,2
PVD	102	17	119	7%	-224%	5.563	15,3	1,0
BSR	637	59	696	21%	192%	50.073	9,5	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	27	(3)	24	7%	5%	12.939	27,0	1,6
GVR	5	3	8	13%	7%	40.000	17,6	2,0
BVH	(96)	5	(91)	18%	20%	7.423	10,4	1,8
POW	(576)	(40)	(616)	10%	29%	30.678	13,8	1,0
BID	(111)	(71)	(182)	18%	31%	72.801	9,6	1,6
GAS	(21)	38	17	15%	12%	24.129	18,5	2,6
BSR	637	59	696	21%	192%	50.073	9,5	1,8
VCB	(134)	(38)	(172)	16%	13%	83.557	14,4	2,2
CTG	209	18	227	22%	25%	77.669	7,0	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	125	362	488	28%	1%	20.900	11,2	3,1
DGW	3	(14)	(11)	19%	1640%	2.213	13,8	2,4
MSN	27	(488)	(460)	18%	18%	14.459	20,9	2,2
FRT	19	(38)	(20)	27%	-69%	1.703	25,8	4,0
MWG	(554)	59	(495)	25%	525%	14.697	14,2	3,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	(111)	16	(95)	28%	70%	3.795	8,3	1,7
BCM	(26)	1	(25)	15%	26%	10.350	15,6	2,4
KBC	(17)	(7)	(25)	6%	112%	9.418	16,6	1,0
VGC	(14)	(3)	(16)	14%	12%	4.484	15,0	1,6
PHR	(5)	(2)	(8)	21%	7%	1.355	9,8	1,9
SZC	(8)	2	(7)	7%	6%	1.800	16,9	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	79	(98)	(19)	8%	23%	18.852	29,3	2,2
HDB	658	90	747	24%	28%	50.053	7,6	1,6
BID	(111)	(71)	(182)	18%	31%	72.801	9,6	1,6
VPB	145	(191)	(45)	16%	35%	79.339	8,4	1,2
MBB	(1.379)	63	(1.316)	21%	20%	80.550	7,4	1,4
ACB	495	51	546	17%	14%	51.367	7,2	1,2
VCB	(134)	(38)	(172)	16%	13%	83.557	14,4	2,2
TCB	(227)	(216)	(443)	15%	10%	70.862	9,1	1,3
CTG	209	18	227	22%	25%	77.669	7,0	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(165)	(111)	(276)	16%	3%	84.430	8,5	1,3
CTD	(139)	36	(103)	9%	169%	1.140	9,1	0,8
HHV	(74)	1	(73)	6%	24%	5.472	9,2	0,4
VCG	58	32	90	36%	112%	6.465	3,2	1,0
BMP	(57)	(2)	(58)	42%	73%	819	10,1	4,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(576)	(40)	(616)	10%	29%	30.678	13,8	1,0
NT2	(9)	(2)	(12)	25%	300%	2.879	5,7	1,3
TV2	(9)	0	(9)	6%	211%	3.583	11,8	0,7
GEG	(49)	0	(48)	13%	15%	6.229	23,4	1,1
REE	(55)	(9)	(64)	17%	38%	4.113	7,7	1,0
PC1	(576)	(40)	(616)	10%	29%	30.678	13,8	1,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(67%)	(4%)	(64%)	10%	20%	20.676	13.8	1.0
GAS	(2%)	38	37	65%	12%	24.139	18.5	2.8
PVS	(8%)	(4%)	(12%)	10%	10%	5.116	10.2	1.2
PVD	(6%)	17	119	7%	220%	5.583	15.3	4.0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	(134)	(38)	(172)	16%	13%	83.557	14,4	2,2
FPT	513	(88)	425	27%	20%	17.035	12,7	3,1
VNM	125	362	488	28%	1%	20.900	11,2	3,1
HPG	(165)	(111)	(276)	16%	3%	84.430	8,5	1,3
BID	(111)	(71)	(182)	18%	31%	72.801	9,6	1,6
TCB	(227)	(216)	(443)	15%	10%	70.862	9,1	1,3
CTG	209	18	227	22%	25%	77.669	7,0	1,4
VHM	82	(460)	(378)	26%	5%	41.074	9,7	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	513	(86)	425	27%	20%	17.000	13,7	3,1
VNM	325	362	688	28%	1%	20.000	13,2	3,1
HPG	(340)	(311)	(651)	30%	3%	84.400	8,5	1,8
VPB	145	(181)	(36)	30%	20%	79.100	8,4	1,2
MBB	(1.276)	42	(1.234)	20%	20%	80.000	7,4	1,8
VCB	(216)	(18)	(234)	30%	18%	85.000	14,4	2,2
TCB	(215)	(216)	(431)	20%	10%	79.800	9,1	1,8
VHM	82	(160)	(78)	20%	0%	41.070	9,7	2,3
SSI	307	(121)	186	30%	17%	24.000	13,8	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	(1)	(17)	(18)	6%	-2%	4.851	16,8	0,7
PDR	(140)	39	(101)	5%	-9%	9.978	24,0	1,1
KDH	(90)	34	(57)	9%	17%	11.222	19,7	1,1
VHM	82	(460)	(378)	26%	5%	41.074	9,7	2,3
TCH	9	(3)	6	2%	13%	9.121	61,4	0,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	(195)	(58)	(253)	19%	76%	24.349	20,0	2,7
TCX	(148)	(70)	(218)	14%	21%	27.739	17,9	2,3
VCI	152	15	166	9%	12%	11.476	19,1	1,5
MBS	325	(43)	283	15%	20%	10.010	11,6	1,6
VND	(885)	87	(798)	11%	5%	15.223	12,8	1,3
VIX	(1.496)	(40)	(1.536)	26%	209%	24.503	10,0	1,3
SHS	96	(20)	75	11%	68%	8.995	13,8	1,4
HCM	(328)	41	(287)	10%	5%	10.808	22,9	2,0
SSI	207	(121)	86	14%	17%	24.931	13,0	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	(134)	(38)	(172)	16%	13%	83.557	14,4	2,2	60.500	57.100	6%	Nâng hạng FTSE
BID	(111)	(71)	(182)	18%	31%	72.801	9,6	1,6	41.000	38.450	7%	Nghị quyết 79
CTG	209	18	227	22%	25%	77.669	7,0	1,4	33.700	35.500	-5%	Nghị quyết 79
TCB	(227)	(216)	(443)	15%	10%	70.862	9,1	1,3	32.400	34.230	-5%	Nghị quyết 68
VPB	145	(191)	(45)	16%	35%	79.339	8,4	1,2	26.700	27.413	-3%	Nghị quyết 68
HDB	658	90	747	24%	28%	50.053	7,6	1,6	27.000	28.950	-7%	Nghị quyết 68
TCX	(148)	(70)	(218)	14%	21%	27.739	17,9	2,3	42.200	37.758	12%	Làn sóng IPO
VCI	152	15	166	9%	12%	11.476	19,1	1,5	24.450	24.617	-1%	Nâng hạng FTSE



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	513	(88)	425	27%	20%	17.035	12,7	3,1	70.600	93.709	-25%	Nghị quyết 68
HPG	(165)	(111)	(276)	16%	3%	84.430	8,5	1,3	22.950	23.163	-1%	Nâng hạng FTSE
PVS	(85)	(46)	(130)	13%	31%	5.114	10,2	1,2	36.200	35.500	2%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	102	17	119	7%	-224%	5.563	15,3	1,0	32.500	29.100	12%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	125	362	488	28%	1%	20.900	11,2	3,1	56.600	58.438	-3%	Nâng hạng FTSE
MSN	27	(488)	(460)	18%	18%	14.459	20,9	2,2	68.800	76.800	-10%	Nâng hạng FTSE
MWG	(554)	59	(495)	25%	525%	14.697	14,2	3,2	76.600	87.400	-12%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	637	59	696	21%	192%	50.073	9,5	1,8	25.500	16.250	57%	Nghị quyết 79
IDC	(111)	16	(95)	28%	70%	3.795	8,3	1,7	39.300	36.000	9%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	(1.379)	63	(1.316)	21%	20%	80.550	7,4	1,4	24.650	24.375	1%	Ngân hàng
ACB	495	51	546	17%	14%	51.367	7,2	1,2	22.550	20.694	9%	Nghị quyết 68
VHM	82	(460)	(378)	26%	5%	41.074	9,7	2,3	147.000	127.689	15%	Bất động sản
CTD	(139)	36	(103)	9%	169%	1.140	9,1	0,8	68.800	71.043	-3%	Đầu tư công
GEX	(1.464)	(99)	(1.563)	11%	78%	13.085	17,8	0,8	26.600	28.272	-6%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**